

Bản án số: **173/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 16-3-2022
V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Chinh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh;
2. Ông Lê Ngọc Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại Phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 127/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1989; HKTT: 352/10A T, phường P, quận T, TP. Hồ Chí Minh;

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1982; HKTT: 352/10A T, phường P, quận T, TP. Hồ Chí Minh;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn T là: Ông Vũ Quốc T – Là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Giám đốc Công ty Luật TNHH MTV T).

(bà H, ông T, ông Toàn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân

phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81/2011, quyển số 01/2011 ngày 26/5/2011.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà chồng ở địa chỉ 352/10A T, phường P, quận T, TP. Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do khác nhau về cách suy nghĩ, không hợp tính tình, vợ chồng không có tiếng nói chung, không tin tưởng tôn trọng lẫn nhau nên thường xảy ra cãi vã, vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay. Nhận thấy, tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên bà H yêu cầu ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà H và ông T có hai con chung là Trần Ngọc Kim C, sinh ngày 19/9/2011 và Trần Tấn D, sinh ngày 31/5/2013. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Nếu ông T không đồng ý giao cả hai con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng thì bà yêu cầu nuôi 01 con chung là Trần Ngọc Kim C, sinh ngày 19/9/2011 và giao con chung là Trần Tấn D, sinh ngày 31/5/2013 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà khai nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà khai nhận không có.

- *Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Trần Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông xác nhận thời gian kết hôn và chung sống đúng như bà H trình bày. Ông và bà H chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo ông T là do khác nhau về cách suy nghĩ, không hợp tính tình, vợ chồng không có tiếng nói chung, không tin tưởng tôn trọng lẫn nhau nên thường xảy ra cãi vã. Ông và bà H đã ly thân từ năm 2019 đến nay và bà H cũng đã bỏ chồng con dọn ra ngoài thuê nhà trọ sống nên tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Nay bà H yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống, ông T cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà H có hai con chung là Trần Ngọc Kim C, sinh ngày 19/9/2011 và Trần Tấn D, sinh ngày 31/5/2013. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con vì hiện tại bà H đã dọn ra thuê nhà trọ ở riêng, cuộc sống bấp bênh, chật hẹp, thu nhập hàng tháng thấp, không có người phụ giúp trông con, trong khi 02 con vẫn ở chung với ông T và ông bà nội từ trước đến nay, gia đình ông có điều kiện nuôi dạy các con và các con được lớn lên cùng nhau từ bé chưa xa nhau ngày nào, được đi học, được chăm sóc, yêu thương chu đáo nên ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, không chia rẽ sợ ảnh hưởng đến tâm lý và xáo trộn cuộc sống của các con. Nếu bà H giao 02 con cho ông nuôi dưỡng

thì ông cam đoan sẽ cho các con cuộc sống tốt nhất về vật chất lẫn tinh thần vì ông có đủ điều kiện nuôi và ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông khai nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông khai nhận không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T là ông Vũ Quốc T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của ông Trần Văn T, ông không bổ sung gì khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, các bên không nộp thêm chứng cứ gì khác ngoài các chứng cứ đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn là bà Phạm Thị Thanh H vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên.

- Bị đơn là ông Trần Văn T vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T là ông Vũ Quốc T có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của bà H và ông T. Về con chung giao 02 trẻ Trần Ngọc Kim C, sinh ngày 19/9/2011 và Trần Tấn D, sinh ngày 31/5/2013 cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung do ông T và bà H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Về quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà H và ông T. Về con chung giao cả hai con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông T khai nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Án phí hôn nhân sơ thẩm tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà H nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T, xác

định đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Bị đơn là ông T cư trú tại quận T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quận T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận T đã tiến hành đầy đủ các trình thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự có mặt đầy đủ, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T kiến nghị về thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân quận T rút kinh nghiệm.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 81/2011, quyền số 01/2011 ngày 26/5/2011 do Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông T và bà H, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung bà H và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà H nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận T giải quyết cho bà ly hôn với ông T. Ông T thừa nhận mâu thuẫn của hai vợ chồng không thể hàn gắn nên ông đồng ý ly hôn. Các bên đương sự đều yêu cầu Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn, xét thấy việc thỏa thuận không vi phạm đạo đức, không trái quy định của pháp luật nên cần công nhận sự thỏa thuận này.

[2.2]. Về con chung: Bà H và ông T cùng khai nhận vợ chồng có hai con chung là Trần Ngọc Kim C, sinh ngày 19/9/2011 và Trần Tấn D, sinh ngày 31/5/2013. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Nếu ông T không đồng ý giao cả hai con chung cho bà trực tiếp nuôi con thì bà yêu cầu nuôi 01 con chung là Trần Ngọc Kim C, sinh ngày 19/9/2011 và giao con chung là Trần Tấn D, sinh ngày 31/5/2013 cho ông T trực tiếp nuôi con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T yêu cầu trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho ai nuôi là phải xét vào quyền lợi về mọi mặt của con và nguyện vọng của trẻ. Về mặt tài chính ông T có công việc và thu nhập ổn định; về thời gian chăm sóc ông T đảm bảo thời gian đưa đón con đi học; về điều kiện vật chất, ông T có nhà cửa đảm bảo nơi ăn, ở, học tập của trẻ. Tại bản tự khai ngày 25/5/2021 của cháu Kim C có trình bày: “...Con thích ở với ba, em, ông bà nội vì từ nhỏ đến giờ con đã sống cùng ba và em trai tại vì ở nhà ai cũng thương con và con ở nhà với em chơi rất vui lúc nào con không ngoan ông bà nội la nhưng ông bà rất thương con và em.”; cháu Tấn Dũng trình bày: “...con thích ở với ba và chị, ông bà nội rất thương con và chị con thích ăn món cá của ông bà nấu”. Bên cạnh đó, cả hai trẻ rất yêu thương nhau, lớn lên cùng nhau, có nguyện vọng sống với ba và ông bà nội. Xét phiếu đánh giá học tập của trẻ C và trẻ D cho thấy hai cháu được nhà trường và gia đình giáo dục và chăm sóc rất tốt. Việc tách hai trẻ ra sống riêng sẽ làm ảnh

hưởng đến tâm lý, tình cảm, việc học tập và đời sống của các cháu nên Hội đồng xét xử quyết định giao cả hai trẻ Trần Ngọc Kim C và Trần Tấn D cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do yêu cầu nuôi con của bà H không được chấp nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ý kiến của ông T về việc không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của ông T và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3]. Về tài sản chung: Bà H và ông T cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Bà H và ông T cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Xét ý kiến của ông Vũ Quốc T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Trần Văn T là có cơ sở và phù hợp theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T là có cơ sở, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[7]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà H chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí Tòa án năm 2015;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Thanh H và ông Trần Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 81/2011, quyển số 01/2011 ngày 26/5/2011 do Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà

Phạm Thị Thanh H và ông Trần Văn T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi con của bà Phạm Thị Thanh H. Giao trẻ Trần Ngọc Kim C, sinh ngày 19/9/2011 và Trần Tấn D, sinh ngày 31/5/2013 cho ông T trực tiếp nuôi con. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông T cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thanh H chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0071750 ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.T;
- Chi cục THADS Q. T;
- UBND phường P,
- quận T, TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án (Oanh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Văn Chính